

TUẦN 1
TIẾNG VIỆT

BÀI 1: ĐỌC: ĐIỀU KÌ DIỆU (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài thơ điều kì diệu, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong bài thơ.
- Nhận biết được các sự việc qua lời kể của nhân vật. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói có bài thơ: Mỗi người một vẻ, không ai giống ai nhưng khi hòa chung trong một tập thể thì lại rất hòa quyện thống nhất.
- Biết khám phá và trân trọng vẻ riêng của những người xung quanh, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình về vẻ riêng của bạn bè và những người xung quanh trong cuộc sống.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV giới thiệu bài hát “Vui đến trường” Sáng tác: Nguyễn Văn Chung để khởi động bài học.
- GV cùng trao đổi với HS về ND bài hát:
 - + Lời bài hát nói lên cô giáo dạy những điều gì?
 - + Vào đầu năm học mới, chúng ta hứa với cô như thế nào
- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (12 - 13)

2.1. Luyện đọc đúng.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.
- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm. Ngắt nghỉ câu đúng theo nhịp thơ.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn: 5 khổ thơ theo thứ tự
- GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *lạ, liệu, lung linh, vang lừng, nào, ...*
- GV hướng dẫn luyện đọc câu:
 - Bạn có thấy/ lạ không/
 - Mỗi đứa mình/ một khác/
 - Cùng ngân nga/ câu hát/
 - Chẳng giọng nào/ giống nhau.//

2.2. Luyện đọc diễn cảm.

- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm ngắt, nghỉ theo nhịp thơ, từng khổ thơ theo cảm xúc của tác giả: Khổ thơ 1,2,3 đọc với giọng bản khoăn; khổ thơ 4,5 đọc với giọng vui vẻ.
- Mời 5 HS đọc nối tiếp các khổ thơ.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ và nối tiếp nhau cho đến hết).
- GV theo dõi sửa sai.
- Thi đọc diễn cảm trước lớp:
- + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.
- + GV nhận xét tuyên dương.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 12')

3.1. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

Câu 1: Những chi tiết nào trong bài thơ cho thấy các bạn nhận ra “mỗi đứa mình một khác”?

Trả lời: *Đó là những chi tiết: “Chẳng giọng nào giống nhau, có bạn thích đứng đầu, có bạn hay giận dỗi, có bạn thích thay đổi, có bạn nhiều ước mơ”.*

Câu 2: Bạn nhỏ lo lắng điều gì về sự khác biệt đó?

Trả lời: *Bạn nhỏ lo lắng: “Nếu khác nhau nhiều như thế liệu các bạn ấy có cách xa nhau” (không thể gắn kết không thể làm các việc cùng nhau).*

Câu 3: Bạn nhỏ đã phát hiện ra điều gì khi ngắm nhìn vườn hoa của mẹ.

Trả lời: *Bạn nhỏ nhận ra trong vườn hoa của mẹ mỗi bông hoa có một màu sắc riêng, nhưng bông hoa nào cũng lung linh, cũng đẹp. Giống như các bạn ấy, mỗi bạn nhỏ đều khác nhau, nhưng bạn nào cũng đáng yêu đáng mến.*

Câu 4: Hình ảnh đàn đồng ca ở cuối bài thơ thể hiện điều gì? Tìm câu trả lời đúng.

- A. Một tập thể thích hát.
- B. Một tập thể thống nhất.
- C. Một tập thể đầy sức mạnh.
- D. Một tập thể rất đông người.

Trả lời: *Đáp án B: Một tập thể thống nhất.*

- GV giải thích thêm ý nghĩa vì sao lại thống nhất? tập thể thống nhất mang lại lợi ích gì? – HS lắng nghe.

Câu 5: Theo em bài thơ muốn nói đến điều kỳ diệu gì?

Trả lời: *Trong cuộc sống mỗi người có một vẻ riêng nhưng những vẻ riêng đó không khiến chúng ta xa nhau mà bổ sung. Hòa quyện với nhau, với nhau tạo thành một tập thể Đa dạng mà thống nhất.*

- Điều kỳ diệu đó thể hiện như thế nào trong lớp của em?

=> *Trong lớp học điều kỳ diệu thể hiện qua việc mỗi bạn học sinh có một vẻ khác nhau. Nhưng khi hòa vào tập thể các bạn bổ sung hỗ trợ cho nhau. Vì thế cả lớp là một tập thể hài hòa đa dạng nhưng thống nhất.*

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

- GV mời HS nêu nội dung bài – HS nêu nội dung bài.

- GV nhận xét và chốt nội dung bài: **Mỗi người một vẻ, không ai giống ai nhưng khi hòa chung trong một tập thể thì lại rất hòa quyện thống nhất.**

3.2. Luyện đọc diễn cảm – Học thuộc lòng:

- GV Hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ
- + Mời HS đọc thuộc lòng cá nhân.
- + Mời HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn.
- + Mời HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ.
- + Mời HS đọc thuộc lòng trước lớp.
- GV nhận xét, tuyên dương.

4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.
- + Trong bài thơ, các bạn nhỏ đã nhận ra điều gì?
 - A. Các bạn nhỏ đã nhận ra “ Mỗi đứa mình một khác”.
 - B. Các bạn nhỏ nhận ra các bạn trong lớp đều quý mến nhau.
 - C. Các bạn trong lớp đều có sở thích giống nhau.
- + Các bạn nhỏ lo lắng điều gì về sự khác biệt đó?
 - A. Bạn nhỏ lo mỗi người một vẻ thì lớp sẽ không đoàn kết.
 - B. Bạn nhỏ lo lắng mỗi người một vẻ thì các bạn sẽ cách xa nhau.
- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.
- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài đọc: Bài 2: Thi Nhạc

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 1: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: DANH TỪ (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...).
- Tìm được danh từ thông qua việc quan sát các sự vật xung quanh.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn thông qua trò chơi củng cố.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS vận động theo bài hát: “Chào năm học mới”
 - GV cùng học sinh trao đổi về nội dung bài hát:
 - + Các bạn nhỏ trong bài hát đi đâu?
 - => Các bạn nhỏ trong bài hát đi khai giảng năm học mới.
 - + Đến lớp em sẽ được gặp những ai?
 - => Đến lớp em sẽ được gặp bạn bè và thầy cô.
 - + Em có thích đi học không?
 - HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
 - HS chia sẻ đáp án của mình.
 - GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
 - GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.
- ###### **2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về Danh từ: (10 – 15')**

- GV YC HS làm việc theo nhóm 4 theo yêu cầu của bài:

**Từ chỉ
thời gian**

- GV nhận xét, đánh giá ghi nhận kết quả đúng và đầy đủ nhất.

- GV nêu cách chơi và luật chơi.



- 3-4 HS đọc lại ghi nhớ

+ Đồ dùng học tập của em được sắm đầy đủ như bút, vở, bảng con và nhiều đồ dùng khác.

- Mời HS nhận xét câu của các bạn. GV lưu ý học sinh đặt câu đủ thành phần và dấu câu.
- GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung ý kiến.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh ai đúng.
- + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có danh từ và các từ khác như động từ, tính từ để lẫn lộn trong hộp.
- + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)
- + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là danh từ (chỉ người, vật,...) có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.
- HS chơi trò chơi.
- GV nhận xét, tuyên dương những học sinh tìm nhanh theo YC trò chơi.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 1: VIẾT: TÌM HIỂU ĐOẠN VĂN VÀ CÂU CHỦ ĐỀ (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết các đặc điểm của đoạn văn về nội dung và hình thức.
- Biết tìm câu chủ đề trong đoạn văn.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trao đổi với người thân về vẻ riêng của mỗi người trong gia đình.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS vận động theo bài hát: “Em yêu trường em”
- GV cùng học sinh trao đổi về nội dung bài hát:
- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đoạn văn và câu chủ đề (10 – 15')

2.1. Đọc các đoạn văn và thực hiện yêu cầu.

- Nhận xét về hình thức trình bày của các đoạn văn.
 - Ý chính của mỗi đoạn văn là gì?
 - Tìm câu nêu ý chính của mỗi đoạn. câu đó nằm ở vị trí nào trong đoạn.
- HS đọc yêu cầu đọc YC đề bài. 2 HS đọc nội dung bài, cả lớp lắng nghe bạn đọc.
 - GV hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi tìm phương án trả lời cho mỗi yêu cầu của bài.
 - Với mỗi yêu cầu GV để các nhóm trình bày kết quả. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu có.

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng và đưa ra ghi nhớ:

Mỗi đoạn văn thường gồm một số câu được viết liên tục, không xuống dòng, trình bày một ý nhất định. Câu đầu tiên được viết lùi đầu dòng”.

+ **Câu chủ đề là câu Nêu ý chính của đoạn văn thường nằm ở đầu hoặc cuối đoạn.**

- HS nhắc lại ghi nhớ và học thuộc ghi nhớ.

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (8 - 10’)

HS hoàn thành bài tập trong vở bài tập Tiếng Việt GV kết hợp chấm chữa bài.

Bài 2. Chọn câu chủ đề cho từng đoạn văn và xác định vị trí đặt câu chủ đề cho mỗi đoạn.

a. Mùa xuân đến chim bắt đầu xây tổ.

b. Cứ thế, cả nhà mỗi người một việc hối hả mang tết về trong khoảng khắc chiều Ba mươi

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.

- GV mời HS làm việc theo nhóm 4

- Các nhóm tiến hành thảo luận và đưa ra đáp án kết hợp hoàn thiện bài tập vào vở.

- Đại diện nhóm trình bày kết quả.

- HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá ghi nhận kết quả đúng và đầy đủ nhất.

Đáp án:

a. Câu chủ đề “Mùa xuân đến chim bắt đầu xây tổ” là của đoạn 2. Vị trí đứng đầu đoạn.

b. Câu chủ đề “Cứ thế, cả nhà mỗi người một việc hối hả mang tết về trong khoảng khắc chiều Ba mươi.” Là của đoạn 1. Vị trí của câu là đứng cuối đoạn.

Bài 3: Viết câu chủ đề khác cho 1 trong 2 đoạn văn ở bài tập 2.

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.

- GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào vở viết câu chủ đề khác cho 1 trong 2 đoạn văn ở bài tập 2.

- HS làm bài vào vở.

VD: Câu chủ đề đoạn 1, để ở đầu đoạn: “Cứ độ tết về, mọi người trong nhà ai cũng tấp nập công việc”.

- Mời HS nhận xét câu của các bạn. GV lưu ý học sinh viết câu có sáng tạo, đủ thành phần câu và đủ dấu.

- GV thu vở chấm một số bài, nhận xét, sửa sai và tuyên dương học sinh.

- HS lắng nghe và tiếp thu ý kiến.

- GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung ý kiến.

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5’)

- GV tổ chức trò chơi: Ai là người sáng tạo.

+ GV chuẩn bị một số tờ giấy A0 (tùy theo số lượng nhóm).

+ Chia lớp thành 4-5 nhóm (tùy số lượng HS)

+ Giao cho mỗi nhóm một vật như: các loại quả hay các loại đồ dùng,... nhóm có nhiệm vụ thảo luận và viết 1 đoạn văn có câu chủ đề đầu tiên và khoảng 3-4 câu giới thiệu hoặc tả về đồ vật đó. Nhóm nào làm đúng (đạt trên 50%) thì sẽ được nhận vật đó luôn.

- HS chơi trò chơi.

- GV nhận xét, tuyên dương những học sinh tìm nhanh theo YC trò chơi.

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT**BÀI 2: ĐỌC: THI NHẠC (Tiết 4 + 5)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Thi nhạc*.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời miêu tả từng tiết mục của mỗi nhân vật trong câu chuyện.
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động,...
- Nhận biết được cách liên tưởng, so sánh,... trong việc xây dựng nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi người tạo được nét riêng, độc đáo chính là phát huy thế mạnh, khả năng của riêng mình.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết chia sẻ suy nghĩ, nhận thức cách đánh giá của mình về bản thân và bạn bè. Biết thể hiện sự trân trọng bản thân và bạn bè.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV tổ chức cho HS vận động theo bài hát: Đi học
- GV cùng học sinh trao đổi về nội dung bài hát:
 - + Bài hát nói đến nội dung gì?
- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25)**2.1. Luyện đọc đúng.**

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ tình tiết bất ngờ hoặc những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm, các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn: 5 đoạn theo thứ tự:
 - + Đoạn 1: từ đầu đến cúi xuống ghi điểm.
 - + Đoạn 2: tiếp theo cho đến cục-cục
 - + Đoạn 3: tiếp theo cho đến nhòa đi.
 - + Đoạn 4 tiếp theo cho đến khoe sắc.
 - + Đoạn 5: đoạn còn lại.
- GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó và giải nghĩa một số từ: *Lấp lánh, niềm mãn nguyện, réo rắt, vi-ô-lông, cla-ri-nét, xen-lô,...*
- GV hướng dẫn luyện đọc câu:
Mặc áo măng tô trong suốt,/ đôi mắt nâu lấp lánh,/ đầy vẻ tự tin,/ ve sầu biểu diễn bản nhạc “Mùa hè”.

- GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 2.
- GV nhận xét sửa sai cách phát âm của HS.

2.2. HS luyện đọc diễn cảm:

- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc của các nhân vật gửi vào tiếng nhạc như: *réo rắt, say đắm, rạo rực, tung bừng, ...*
- Mời 5 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết).
- GV theo dõi sửa sai.
- Thi đọc diễn cảm trước lớp:
- + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.
- + GV nhận xét tuyên dương

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (30 – 35')

3.1. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

Câu 1: Câu chuyện có những nhân vật nào những nhân vật đó có điểm gì giống nhau?

Trả lời: *Câu chuyện có năm nhân vật: thầy Vàng Anh, ve sầu, gà trống, dế và họa mi. Những nhân vật đó có điểm giống nhau là yêu âm nhạc, say mê chơi nhạc biểu diễn hết mình.*

Câu 2: Giới thiệu về tiết mục của một nhân vật em yêu thích trong câu chuyện.

- + Tên bản nhạc và nhân vật biểu diễn.
- + Ngoại hình của nhân vật.
- + Những hình ảnh gợi ra từ các bản nhạc được trình diễn.

Trả lời: *HS trả lời tự do theo ý thích của mình:*

Câu 3: Vì sao thầy vàng anh rất vui và xúc động khi xem các học trò biểu diễn?

Trả lời: *Vì cá tiết mục biểu diễn của học trò đều hay và đặc biệt mỗi người đã tạo dựng cho mình một phong cách độc đáo, không ai giống ai.*

Câu 4: Tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện?

- A. Nhiều loài vật có tiếng kêu, tiếng gáy, tiếng hót hay.
- B. Thế giới của các loài vật muôn màu muôn vẻ.
- C. Mỗi người hãy tạo cho mình một nét đẹp riêng.
- D. Muốn hát hay. Đàn giỏi thì phải tập luyện chăm chỉ.

Trả lời: *Đáp án C: Mỗi người hãy tạo cho mình nét đẹp riêng.*

- GV giải thích thêm Câu chuyện muốn nói với chúng ta rằng việc mỗi người tạo được nét riêng, độc đáo chính là phát huy thế mạnh, khả năng riêng của mình. Tạo được nét riêng là ghi được dấu ấn, tên tuổi của mình trong lòng mọi người. Tạo được nét riêng của mỗi người trong một tập thể sẽ làm cho tập thể có thế mạnh.

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV mời HS nêu nội dung bài – HS nêu nội dung bài.

TT	Giới thiệu tiết mục
1	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: ve sầu - Ngoại hình (diện mạo): áo măng tô trong suốt, đôi mắt nâu lấp lánh, đầy vẻ tự tin. - Sức hấp dẫn của bản nhạc: gian phòng tràn ngập âm thanh; tiếng vi-ô-lông rêu rắt, tiếng cla-ri-nét trong sáng, tiếng xen-lô-âm áp, gọi màu hoa phượng đỏ rực, nắng sáng trắng, bầu trời xanh mênh mông, hoa muớp vàng bên bờ giếng, những cánh ong rù rì,...
2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: gà trống - Ngoại hình (diện mạo): đỉnh đặc bước lên, kiểu hãnh ngang đầu với cái mũ đỏ chói. - Sức hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc có tiết tấu nhanh, khoẻ, đầy hứng khởi "Tô-réc... tô-re-te-te-...", niềm mãn nguyện khi thấy mặt trời lên rực rỡ, tiết tấu vui nhộn khi sử dụng bộ gõ: Cúc – cúc!... Cúc – cúc!... Cúc – cúc!...
3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: dế mèn - Ngoại hình (diện mạo): bước ra khoẻ khoắn và trang nhã trong chiếc áo nâu óng. - Sức hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc gợi hình ảnh những chiếc lá khẽ xoay tròn, rơi rơi trong nắng, tiếng gió xào xạc thăm thẳm thì với lá...
4	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật: họa mi - Ngoại hình (diện mạo): tà áo dài thướt tha, trông thật dịu dàng, uyển chuyển. - Sức hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc vang lên rêu rắt, say đắm, tiết tấu rạo rực, tung bừng, những giọt mưa xuân rơi trên đôi má nóng rực; những chiếc mầm bật khỏi cành, hoa đào nở lên khoe sắc...

- GV nhận xét và chốt nội dung bài: **Mỗi người tạo được nét riêng, độc đáo chính là phát huy thế mạnh, khả năng của riêng mình**

3.2. Luyện đọc diễn cảm:

- GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm và đưa ra tiêu chí đọc để HS nhận xét.
- Mời một số học sinh đọc nối tiếp.
- GV nhận xét, tuyên dương.

3.3. Luyện tập theo văn bản đọc:

Bài 1: Tìm danh từ trong các câu dưới đây:

- Sau ve sầu, gà trống đứng đặc bước lên, kiêu hãnh ngừng đầu với cái mũ đỏ chói.
- Dế bước ra khỏe khoắn và trang nhã trong chiếc áo nâu óng.
- Trong tà áo dài thướt tha, họa mi trông thật dịu dàng, uyển chuyển.

- HS đọc yêu cầu đề bài.
- Mời học sinh làm việc nhóm 4.
- Mời đại diện các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

Bài 2: Đặt 1-2 câu về nhân vật yêu thích trong bài đọc thi nhạc. Chỉ ra danh từ trong câu em đặt.

- HS nêu yêu cầu đề bài.
- GV YC cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở.
- Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em)
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng. Lưu ý học sinh viết câu đủ thành phần câu.

4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

Câu 1: Không khí buổi thi nhạc được miêu tả như thế nào?

- Sôi nổi, náo nhiệt.**
- Yên tĩnh, trầm lắng.
- Hồi hộp, lo lắng.
- Vui buồn lẫn lộn.

Câu 2: Gà trống biểu diễn bài hát nào trong buổi thi?

- Mùa xuân.
- Bình minh.**
- Niềm vui của em.
- Tiếng ve gọi hè.

Câu 3: Hình ảnh nào sau đây **KHÔNG** được tác giả sử dụng để miêu tả tiết mục của bạn Gà Trống?

- Gà mổ đầu khúc nhạc.
- Tấu nhanh, khỏe, đầy hứng khởi.
- Tiếng đàn réo rắt, say đắm.**
- Tiết tấu trở nên vui nhộn khi gà sử dụng bộ gõ.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.
- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài đọc: Bài 3: Anh em sinh đôi.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 2: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN (Tiết 6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Tìm hiểu được cách viết đoạn văn nêu ý kiến (nêu lý do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe).
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh để nêu ý kiến của mình với tập thể.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV giới thiệu bài hát “Gia đình nhỏ, hạnh phúc to” để khởi động bài học.
- + GV cùng trao đổi với HD về nội dung và ý nghĩa câu chuyện.
- + Bài hát nói về điều gì?
- + Muốn bố mẹ vui vẻ chúng ta nên làm gì?
- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến (20 – 25')

Bài 1. Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

- Người viết muốn nói gì qua đoạn văn trên. Tìm câu trả lời đúng.
 - Nêu những lý do yêu thích câu chuyện *Thi nhạc*.
 - Thuật lại diễn biến của buổi thi nhạc.
 - Tả hình dáng, điệu bộ của các nhân vật trong câu chuyện.
 - Câu mở đầu đoạn văn cho biết điều gì?
 - Những câu văn tiếp theo cho biết người yêu thích những điều gì ở câu chuyện?
 - Câu kết thúc đoạn nói ý gì?
- GV mời một số HS trình bày.
 - Mời cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận xét chung và chốt nội dung.
 - GV nhận xét chung và đáp án đúng.

Bài 2. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

- Câu mở đầu có điểm nào giống với câu mở đầu của đoạn văn ở bài tập 1?
 - Những lý do người viết yêu thích câu chuyện là gì?
 - Đoạn văn trình bày theo các ý nào dưới đây.
- Cách 1:
 - + *Mở đầu:* Nêu cảm nhận chung về câu chuyện mà mình yêu thích.
 - + *Triển khai:* Nêu các lý do yêu thích câu chuyện.
 - Cách 2:
 - + *Mở đầu:* Nêu cảm nhận chung về câu chuyện mà mình yêu thích.
 - + *Triển khai:* Nêu các lý do yêu thích câu chuyện.
 - + *Kết thúc:* Tiếp tục khẳng định ý kiến đã nêu ở mở đầu đoạn.
 - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu.
 - GV mời cả lớp làm việc nhóm bàn.
 - Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả.

a. Điểm giống nhau của hai câu mở đầu của hai đoạn là đều nêu cảm nghĩ của người viết về câu chuyện (yêu thích câu chuyện được nói tới)

b. Những lí do người viết yêu thích câu chuyện là:

+ Ban đầu thích xử sở thần tiên mà câu chuyện gợi ra.

+ Sau đó xúc động về tình cảm bà cháu được thể hiện qua các sự việc trong câu chuyện.

+ Cuối cùng thích cách kết thúc có hậu của câu chuyện.

- Các nhóm nhận xét.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- GV nhận xét chung, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

Bài 3. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

- Cách sắp xếp ý trong đoạn (mở đầu, triển khai,...)

- Cách nêu lý do yêu thích câu chuyện.

- Cách thức trình bày đoạn văn.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời cả lớp thảo luận nhóm 4.

- Đại diện nhóm chia sẻ kết quả của nhóm:

+ Đoạn văn thường mở đầu bằng lời khẳng định sự yêu thích của người viết đối với câu chuyện nêu rõ tên câu chuyện (nêu rõ tên câu chuyện và nếu có thể thì nêu cả tên tác giả)

+ Các câu tiếp theo đưa ra một hoặc nhiều lý do yêu thích của câu chuyện (yêu thích chi tiết, nhân vật, cách kết thúc,...) có thể kết hợp với những minh chứng cụ thể.

+ Đoạn văn có thể có câu kết khẳng định một lần nữa sự yêu thích của người viết đối với câu chuyện.

+ Đoạn văn nên có những từ ngữ câu văn bộc lộ rõ Cảm Xúc sự yêu thích của mình đối với câu chuyện.

- Các nhóm nhận xét.

- GV nhận xét chung, kết luận.

- GV nêu ghi nhớ, HS nhắc lại: **Khi viết đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện cần nói rõ mình thích hoặc không thích câu chuyện đó và nêu lý do.**

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”.

+ GV chuẩn bị một câu chuyện ngắn. Yêu cầu các nhóm đọc và viết ý kiến của nhóm mình về câu chuyện đó (nêu ý kiến thích hoặc không thích, vì sao)

+ Chia lớp nhiều nhóm (tùy số lượng HS)

+ Mời các nhóm trình bày.

- Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, hay sẽ được chọn giải nhất, nhì, ba,...

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 2: NÓI VÀ NGHE: TÔI VÀ BẠN (Tiết 7)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết nói trước nhóm, trước lớp về những đặc điểm nổi bật của mình và của bạn.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV giới thiệu vở kịch “Lòng dân” để khởi động bài học.
- GV và HS cùng trao đổi
 - + Vở kịch có mấy nhân vật?
 - + Các bạn tìm bạn thân để làm gì?
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.
- GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới:
 - + Vậy bạn thân có những đặc điểm gì gọi là thân? Vì sao ta lại chơi thân?,...” thì bài học hôm nay cô mời chúng ta cùng tìm hiểu qua bài “Tôi và bạn” các em nhé!”

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (20 – 25')

2.1. Nói về bản thân.

- GV hướng dẫn cách nói về bản thân:
 - + Mời một học sinh lên trước lớp để làm ví dụ.
 - + HD HS đó tự giới thiệu về mình trước lớp: về những điểm nổi bật của bản thân (học giỏi, tự tin, hát hay, chơi thể thao,...)
- => 1 HS lên đứng trước lớp và tự giới thiệu về mình. Giới thiệu về một số điểm nổi bật của bản thân (học giỏi, tự tin, hát hay, chơi thể thao,...)
- + GV mời một số HS khác phát biểu về tự nhận xét của bạn.
- GV mời học sinh làm việc cá nhân, mỗi HS tự viết ra giấy 3 điểm nổi bật của bản thân, sau đó từng em đọc trước lớp.
- => HS làm việc cá nhân, ghi vào giấy 3 điểm nổi bật của mình và đọc trước lớp theo yêu cầu của giáo viên.
- Cả lớp nhận xét, phát biểu.

2.2. Trao đổi

- GV mời cả lớp thảo luận nhóm 4 thực hiện các yêu cầu sau:
 - + Nêu những điểm tốt của một người bạn mà em muốn học tập.
 - + Nói điều em mong muốn ở bạn.
- GV mời các nhóm trình bày.
- GV mời các nhóm khác nhận xét.
- Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng cuộc thi “Ai là người hóm hỉnh”.

- + GV tổ chức cho lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận và chọn một bạn đại diện lên trước lớp giới thiệu về một người thân hoặc người bạn mà em yêu quý. (giới thiệu những nét nổi bật của của người đó)
- + Mời các nhóm trình bày.
- + GV nhận xét chung, trao thưởng.
- Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, hay sẽ được chọn giải nhất, nhì, ba,...
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: ÔN TẬP DANH TỪ (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức: Tìm và nhận biết danh từ, sắp xếp danh từ theo nhóm chỉ vật, chỉ đồ vật, chỉ người.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi nối chữ.
- Nội dung trò chơi: GV yêu cầu học sinh tìm các danh từ chỉ người và chỉ vật.
- + Thời gian chơi: 2 phút
- + Quy định chơi: Lớp chia thành 4 nhóm, nhóm nào tìm được nhiều danh từ nhóm đấy chiến thắng.
- HS chơi trò chơi.
- GV nhận xét, tuyên dương đội thắng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành (23 - 25)

Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài.

- GV đưa ra yêu cầu: đọc, tìm, viết lại những câu chủ đề
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài chia sẻ kết quả bài làm của mình.

Bài 1: Ghi lại danh từ trong mỗi đoạn sau:

- a) Khi đã hiểu ra rồi, chữ O kết thân với số 0. Hai bạn nhiều khi sóng bước bên nhau quần quýt không rời. Chẳng thế mà mới đây, o Xuân nhận được một thùng quà rất nặng từ quê ngoại gửi ra với lời nhắn: “Vườn nhà con năm nay có nhiều loại quả lắm, chúng con hái 10 quả mỗi loại gửi sang biếu o đây ạ.”

- b) Con cò trong câu ca dao

Bay vào giấc ngủ trắng phau giọng bài

Bà đưa cháu đến đồng xa

Con cò theo mẹ la đà dòng mương
 Bà đưa cháu đến Trường Sơn
 Con cò theo bố rập rờn nguy trang.
 (Hoàng Hữu Nhân)

- HS nêu yêu cầu bài đọc.
- HS thảo luận nhóm 4.
- Đại diện nhóm chia sẻ đáp án của nhóm.
- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

→ GV chốt thế nào là danh từ.

Bài 2: Xếp các danh từ sau vào nhóm thích hợp.

nhân dân, giáo viên, xe đạp, bàn ghế, sấm, chớp, thước kẻ, bút bi, bác sĩ thợ xây ông nội, bà nội, giường, tủ, con ốc, gió bắc, mưa phùn, mưa rào, buổi sáng, buổi trưa, ngày, tháng

- a) Danh từ chỉ người: nhân dân,...
- b) Danh từ chỉ đồ vật: xe máy,...
- c) Danh từ chỉ thời gian: buổi sáng, ...
- d) Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên: sấm chớp,...

- HS nêu yêu cầu bài đọc.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- HS chia sẻ đáp án của cá nhân.
- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

→ GV chốt danh từ chỉ người, vật, thời gian, hiện tượng tự nhiên

Bài 3: Với mỗi danh từ dưới đây, hãy đặt một câu.

- bà nội:
- xe đạp:
- buổi sáng:
- mưa rào:

- HS nêu yêu cầu bài đọc.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- HS chia sẻ đáp án của cá nhân.
- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

→ GV nhắc nhở HS chú ý cách viết câu, dấu câu phù hợp gợi ý Hs viết câu theo mẫu:
Trạng ngữ - ở đâu, lúc nào... + Chủ ngữ + vị ngữ (thái độ của người là chủ ngữ, kết quả của việc làm – vị ngữ)

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

1. Trong các từ sau, từ nào là danh từ?

- a) Chạy b) **Bút** c) Xanh d) Hát

2. Từ nào dưới đây là danh từ chỉ người?

- a) **Bác sĩ** b) Hát hò c) Tươi đẹp d) Chăm chỉ

3. Từ nào dưới đây là danh từ chỉ vật?

- a) Dũng cảm b) **Cái bàn** c) Nấu ăn d) Rộng lớn

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.

- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét tiết học và dặn học sinh ôn tập về kiến thức Danh từ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ**VIẾT: TÌM HIỂU ĐOẠN VĂN VÀ CÂU CHỦ ĐỀ (Tiết 2)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Dựa vào bài viết tìm câu chủ đề, tập viết câu chủ đề.
- Hình thành và phát triển kỹ năng viết câu chủ đề đoạn, bài văn và dùng từ có biện pháp nghệ thuật nhân hóa, so sánh khi viết.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức cần ghi nhớ.
- Nội dung trò chơi: + Câu chủ đề là gì?
- HS trả lời câu hỏi, chia sẻ hiểu biết của mình.
- GV nhận xét, tuyên dương đội thắng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành (23 - 25)**Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài.**

- GV đưa ra yêu cầu: đọc, tìm, viết lại những câu chủ đề
- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.
- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài chia sẻ kết quả bài làm của mình.

Bài 1: Gạch dưới câu chủ đề của đoạn văn sau:

Khi đã hiểu ra rồi, chữ o kết thân với số 0. Hai bạn nhiều khi sóng bước bên nhau quần quýt Chẳng thế mà mới đây, o Xuân nhận được một thùng quà rất nặng từ quê gửi ra với lời nhắn: "Vườn nhà con năm nay có nhiều loại quả lắm, chúng con hái mỗi loại 10 quả gửi sang biếu o đây ạ."

- HS nêu yêu cầu bài đọc.
- HS thảo luận nhóm 4.
- Đại diện nhóm chia sẻ đáp án của nhóm.
- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

→ GV KT củng cố cách trình bày câu chủ đề trong đoạn văn

Bài 2: Viết câu chủ đề cho đoạn văn ở bài tập 1 theo ý của em.

- HS nêu yêu cầu bài đọc.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- HS chia sẻ đáp án của cá nhân.
- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

Bài 3: Em chọn câu nào làm câu chủ đề cho mỗi đoạn văn ở dưới?

(1) Nhà bà ngoại ở quê giản dị mà thoáng mát.

(2) Bên vệ đường, sừng sững một cây sồi.

a) Giàn hoa giấy loà xoà phủ đầy hiên. Vườn có đủ thứ hoa trái. Nào hoa hoè, hoa huệ, hoa quỳ, hoa lan,... Nào trái cam, trái chanh, trái mãng cầu, trái dâu da,... Hương hoa

thoang thoảng khắp vườn, nhất là về khuya. Nghi hè về nhà bà ngoại tha hồ chạy nhảy và hái trái cây.

(Theo *Tiếng Việt 1 tập hai*, Công nghệ giáo dục, 1997)

b) Cây sồi to lớn, hai người ôm không xuể, có cành đã gãy từ lâu, vỏ cây nứt nẻ đầy vết sẹo. Với những cánh tay to xù xì, không cân đối, với những ngón tay quều quào xoè rộng, nó như một con quái vật già nua, cau có và khinh khỉnh đứng giữa đám bạch dương tươi cười.

(Theo Lép Tôn-xtôi)

- HS nêu yêu cầu bài đọc.
- HS làm bài nhóm đôi vào vở.
- HS chia sẻ đáp án của nhóm.
- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

1. Đoạn văn thường được bắt đầu bằng dấu hiệu nào?

a) Dấu chấm.

b) Dấu hai chấm.

c) **Dấu gạch đầu dòng.**

2. Câu chủ đề của đoạn văn thường cho biết điều gì?

a) **Nội dung chính của đoạn văn.**

b) Tên của nhân vật trong đoạn văn.

c) Nơi chốn diễn ra sự việc trong đoạn văn.

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi 3, 4:

"Mùa xuân đến, vạn vật như bừng tỉnh sau giấc ngủ dài. Cây cối đâm chồi nảy lộc, khoác lên mình bộ áo xanh mơn mẫm. Những bông hoa khoe sắc rực rỡ dưới ánh nắng ấm áp. Chim chóc ca hát líu lo trên cành. Không khí mùa xuân thật trong lành và tươi vui."

3. Đoạn văn trên viết về nội dung gì?

a) Vẻ đẹp của các loài hoa mùa xuân.

b) **Sự thay đổi của thiên nhiên khi mùa xuân đến.**

c) Hoạt động của chim chóc vào mùa xuân.

4. Câu nào trong đoạn văn là câu chủ đề?

a) Cây cối đâm chồi nảy lộc, khoác lên mình bộ áo xanh mơn mẫm.

b) **Mùa xuân đến, vạn vật như bừng tỉnh sau giấc ngủ dài.**

c) Không khí mùa xuân thật trong lành và tươi vui.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.

- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét tiết học và dặn học sinh ôn tập về kiến thức câu chủ đề trong một đoạn văn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100000 (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đọc, viết, so sánh được các số trong phạm vi 100000.

- Nhận biết được cấu tạo thập phân của số trong phạm vi 100000

- Viết được số thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại.
- Tìm được số liền trước, số liền sau của một số;

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “**Ai nhanh hơn**”.
- GV hướng dẫn, phổ biến cho HS cách chơi trò chơi:
 - + GV chia lớp thành hai đội, bốn HS/đội.
 - + GV gắn các thẻ từ lên bảng:
 - + GV yêu cầu HS lên sắp xếp đúng thứ tự các bước giải toán.
 - + Đội nào gắn xong trước và đúng thì thắng cuộc.
- GV nhận xét và dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4, 5 (Trang 6, 7/SGK), làm vào vở, GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Bài yêu cầu làm gì?
- Viết số.
- GV yêu cầu HS quan sát, trả lời.
- HS thực hiện SGK
- Nêu cách viết số: Sáu mươi một nghìn không trăm ba mươi tư
- Để viết số cho đúng em dựa vào đâu?
- HS trả lời.

*** GV kết luận:** *Củng cố cách viết số và cấu tạo thập phân của số trong phạm vi 100000.*

Bài 2.

- HS làm bảng con.
 - HS thực hiện yêu cầu vào bảng con.
 - HS chia sẻ trước lớp.
- a) 4 chục nghìn, 2 nghìn, 5 trăm và 3 chục
d) 9 chục nghìn, 4 nghìn và 5 đơn vị

*** GV kết luận:** *Củng cố cách đọc, viết số trong phạm vi 100000.*

Bài 3.

- HS làm cá nhân, điền số vào ô trống.
- GV gọi HS trả lời và nêu cách làm ý a); ý c)
- Giá trị của mỗi chữ số trong số phụ thuộc vào đâu?

***GV kết luận:** *Củng cố cách viết số thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị.*

Bài 4.

- HS làm bài cá nhân.
- GV yêu cầu HS làm SGK và đổi chéo kiểm tra.
- Dựa vào đâu em điền được đúng các số trên tia số?

***GV kết luận:** *Củng cố về thứ tự các số trong phạm vi 100000.*

Bài 5.

- HS làm bài nhóm đôi.

- Đại diện HS chia sẻ trước lớp.

- GV nhận xét, tuyên dương

***GV kết luận:** *Củng cố về cách xác định số liền trước, số liền sau của một số.*

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm(3 – 5’)

- Đọc, viết đúng các số em dựa vào đầu?

- Nêu cách xác định đúng số liền trước, số liền sau của một số.?

- HS nêu.

- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100000 (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong bốn số đã cho.

- Viết được bốn số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn và từ lớn đến bé.

- Làm tròn được số có năm chữ số đến hàng nghìn.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến xác định số lớn nhất, số bé nhất trong bốn số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bảng giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 -5’)

- GV cho HS khởi động bằng trò chơi “Đoàn kết”.

- GV nêu luật chơi.

- GV tổng kết trò chơi và dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4, 5 (Trang 7, 8/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- HS làm bài cá nhân.

- HS chia sẻ trước lớp.

- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.

***GV kết luận:** *Củng cố cách so sánh các số có năm chữ số.*

Bài 2.

- Trò chơi: “Tìm nhà cho ếch”.

- HS tham gia chơi trò chơi, với mỗi câu trả lời đúng sẽ giúp ếch sớm tìm được đường về nhà.

***GV kết luận:** *Củng cố cách tìm số bé nhất trong bốn số, xác định chữ số hàng trăm của một số, cách làm tròn số có năm chữ số đến hàng nghìn.*

Bài 3.

- HS làm bài theo nhóm 4.

- Cách nhóm tham gia trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để nối các con tàu về bến sao cho phù hợp.

***GV kết luận:** *Củng cố cách viết số thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị.*

Bài 4.

- GV yêu cầu HS làm bảng con.

- HS thực hiện yêu cầu vào bảng con
 - GV yêu cầu HS nêu cách làm và chốt đáp án đúng.
- a) Ngày thứ Tư tiêm được nhiều liều vắc-xin nhất; ngày thứ Năm tiêm được ít liều vắc-xin nhất
- b) Thứ Năm, thứ Ba, thứ Hai, thứ Tư
- HS chia sẻ trước lớp.
 - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.
- *GV kết luận:** *Củng cố về cách tìm số lớn nhất, số bé nhất, sắp xếp bốn số theo thứ tự từ bé đến lớn vào thực tế.*

Bài 5.

- HS đọc yêu cầu.
 - HS thực hiện theo nhóm, 1 nhóm lên trình bày cách làm.
 - GV nhận xét, tuyên dương.
- *GV kết luận:** *Củng cố về cách tìm số bé nhất có năm chữ số.*

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm(3 – 5’)

- Làm thế nào để tìm được số bé nhất, số lớn nhất trong các số đã cho?
- Nêu cách so sánh các số ?
- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN**ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100000 (Tiết 3)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ đã học trong phạm vi 100000.
- Tính nhẩm được các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học và tính giá trị biểu thức liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn.
- Tính được giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ có và không có dấu ngoặc.
- Giải được bài toán thực tế có liên quan đến các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3- 5’)**

- Tính: $5.000 \times 3 = ?$
- Nêu cách làm
- HS thực hiện bảng con.
- GV giới thiệu - ghi bài.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 49 (Trang 9/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1:

- HS làm bài cá nhân.
- GV yêu cầu HS làm SGK và đổi chéo SGK kiểm tra.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.

***GV kết luận:** *Củng cố cách tính nhẩm giá trị biểu thức có phép cộng, trừ liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn.*

Bài 2:

- HS làm bảng con.
- Yêu cầu HS nêu cách làm phép tính thứ nhất; thứ tư.
- GV khen ngợi HS.

Bài 3:

- GV yêu cầu HS làm vào vở.
- HS chia sẻ trước lớp.
- GV khen ngợi HS.

***GV kết luận:** *Củng cố, rèn kỹ năng tính giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ có hoặc không có dấu ngoặc.*

Bài 4:

- HS làm bài theo nhóm 4.
- 1 nhóm làm phiếu to và chia sẻ trước lớp.
- GV chốt đáp án đúng.

Bài giải:

Giá tiền một ba lô học sinh là:

$$16500 + 62500 = 79000 \text{ (đồng)}$$

Mẹ của An phải trả người bán hàng số tiền là:

$$16500 + 79000 = 95500 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 95500 đồng

- GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.

***GV kết luận:** *Củng cố cho HS về cách giải bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 100000.*

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Nêu cách tính giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ có hoặc không có ngoặc đơn?
- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100000 (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thực hiện được phép nhân, chia đã học trong phạm vi 100000.
- Tính nhẩm được các phép nhân, chia đã học và tính giá trị biểu thức liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn.
- Tính được giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có và không có dấu ngoặc.
- Giải được bài toán thực tế có liên quan đến các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- Trò chơi: “Tìm trứng khủng long”.
- GV giới thiệu - ghi bài.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 10/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS làm bài theo nhóm đôi.
- HS chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.

***GV kết luận:** *Củng cố tính nhẩm phép nhân, chia liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn và so sánh các số.*

Bài 2.

- GV yêu cầu HS làm vào vở.
- HS chia sẻ trước lớp.
- GV khen ngợi HS.

***GV kết luận:** *Rèn kĩ năng đặt tính rồi tính trong phép nhân, phép chia số có bốn, năm chữ số với số có một chữ số.*

Bài 3.

- HS làm bài theo nhóm 4.
- 1 nhóm làm phiếu to và chia sẻ trước lớp.
- GV chốt đáp án đúng.

Cả bốn xe chở được số gạo là:

$$4500 \times 4 = 18000(\text{kg})$$

Mỗi xa sẽ nhận được số gạo là:

$$18000 : 5 = 3600(\text{kg})$$

Đáp số: 3600kg

***GV kết luận:** *Củng cố cho HS về cách giải bài toán thực tế liên quan đến phép nhân, chia trong phạm vi 100000.*

Bài 4.

- GV yêu cầu HS làm cá nhân.
- HS chia sẻ trước lớp.
- GV khen ngợi HS.

***GV kết luận:** *Củng cố, rèn kĩ năng tính giá trị biểu thức liên quan đến phép nhân, chia có hoặc không có dấu ngoặc.*

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Nêu cách tính giá trị biểu thức liên quan đến phép nhân, chia có hoặc không có ngoặc đơn?
- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN**ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100000 (Tiết 5)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được phép nhân, chia đã học trong phạm vi 100000.
- Tính nhẩm được các phép nhân, chia đã học và tính giá trị biểu thức liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn.
- Tính được giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có và không có dấu ngoặc.
- Giải được bài toán thực tế có liên quan đến các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động thực hành, vận dụng (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 11/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.
- Tổ chức trò chơi: “Đi tìm kho báu”. Mỗi bài tập là một trạm để đưa chúng ta đến kho báu cuối cùng.

Bài 1.

- HS thực hiện nhanh vào bảng con và đưa ra đáp án đúng.
 - GV nhận xét và chốt đáp án đúng.
- Câu a): chọn B; Câu b): Chọn D; Câu c): Chọn C; Câu d): Chọn A
- HS nêu.

****GV kết luận: Củng cố cách thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia qua dạng bài tập trắc nghiệm bốn lựa chọn***

Bài 2.

- HS làm bài cá nhân.
- 1 – 2 HS đại diện chia sẻ trước lớp.
- GV yêu cầu HS nêu cách làm và chốt đáp án đúng.

Bài giải:

Tháng Hai nhà máy đó sản xuất được số sản phẩm là:

$$12960 : 2 = 6480 \text{ (sản phẩm)}$$

Đáp số: 6480 sản phẩm

****GV kết luận: Củng cố cho về cách giải bài toán thực tế về giảm đi một số lần.***

Bài 3.

- GV yêu cầu HS làm bảng con.
- HS thực hiện yêu cầu vào bảng con.
- GV gọi HS nêu cách làm cho từng trường hợp.
- GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.

****GV kết luận: Củng cố, rèn kĩ năng tính giá trị biểu thức có phép cộng, trừ, nhân, chia có hoặc không có dấu ngoặc.***

Bài 4.

- HS làm vở.
- GV yêu cầu HS chia sẻ cách làm và chốt đáp án đúng.

Bài giải:

Số sách giáo khoa cửa hàng nhập về là:

$$4050 \times 5 = 20250 \text{ (quyển)}$$

Số quyển sách giáo khoa và sách tham khảo của hàng nhập về là:

$$4050 + 20250 = 24300 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 24300 quyển

***GV kết luận:** *Củng cố cách giải và trình bày bài giải toán thực tế bằng hai bước tính liên quan đến gấp lên một số lần.*

2. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Nêu cách tính giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có hoặc không có ngoặc đơn?
- Khi thực hiện giải toán có lời văn em cần lưu ý điều gì?
- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN TƯ DUY TƯ DUY SỐ HỌC (2 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS lập, viết được các số trong phạm vi 100 000 từ các chữ số đã cho;
- Biết tìm các số thỏa mãn một điều kiện cho trước, trong đó có thay đổi thứ tự chữ số, dấu hiệu chia hết cho 5, ...
- Học sinh tư duy một số bài toán về hình ảnh nhưng liên qua đến số và chữ số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: File bài giảng, phiếu học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5'):

Khởi động bằng video tên trộm tìm mật mã để mở khóa. Biết mật mã trên bảng là:

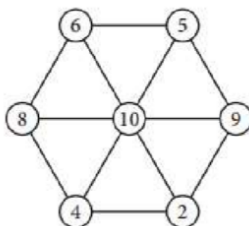
3	12	4
6	42	7
?	36	9
8	?	7

- Hãy điền số còn thiếu.
- HS trả lời, giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động thực hành, vận dụng (15 – 20')

Mỗi nhóm có thời gian 10 phút để thảo luận và làm bài:

Câu 1. Cho hình dưới đây, hỏi tổng của 3 số ở 3 đỉnh của một tam giác có giá trị bé nhất bằng bao nhiêu?



- HS suy nghĩ và trả lời nhanh
- GV nhận xét, tuyên dương

*GV kết luận :

Câu 2. Các số được đặt trong các ô vuông của bảng dưới đây sao cho tổng của các số trên các hàng và các cột đều bằng nhau. Số còn thiếu trong hai ô vuông là các số nào?

7	6	?
?	8	4
5	10	9

Câu 3. Từ 3 chữ số 2, 3, 8 ta lập được 1 số có 3 chữ số là A. Từ 2 chữ số 2, 8 ta lập được 1 số có 2 chữ số khác nhau là B. Tìm số A và B biết hiệu giữa A và B bằng 750.

- HS suy nghĩ lập luận vào nháp. Giáo viên quan sát hs làm.
- Giáo viên gọi học sinh lên làm và chấm chữa.
- GV nhận xét, tuyên dương

***GV kết luận:** *Cách lập số và biện luận bài toán thỏa mãn đề bài cho trước*

Câu 4. Số 540 thay đổi như thế nào nếu:

- Xoá bỏ chữ số 0
 - Xoá bỏ chữ số 5
 - Thay chữ số 4 bởi chữ số 8
 - Đổi chữ số 4 và chữ số 0 cho nhau
- HS suy nghĩ lập luận vào nháp. Giáo viên quan sát hs làm.
 - Giáo viên gọi học sinh lên làm và chấm chữa.
 - GV nhận xét, tuyên dương

***GV kết luận:** *Các số sẽ thay đổi khi đề bài bắt thực hiện một yêu cầu.*

Câu 5. Tìm 1 số có 4 chữ số, biết rằng chữ số hàng trăm gấp 3 lần chữ số hàng chục và gấp đôi chữ số hàng nghìn, đồng thời số đó là số lẻ chia hết cho 5.

- HS suy nghĩ lập luận vào nháp. Giáo viên quan sát hs làm.
- Giáo viên gọi học sinh lên làm và chấm chữa.
- GV nhận xét, tuyên dương

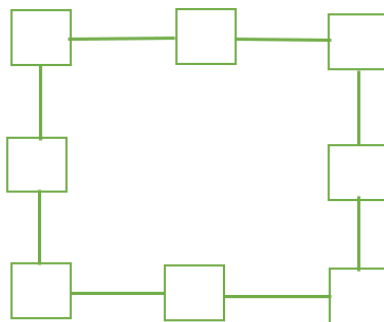
***GV kết luận:** *Cách lập số thỏa mãn đề bài và dấu hiệu chia hết cho 5.*

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

« Ai nhanh hơn ? »

Cho học sinh thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi :

Em có thể đặt 32 quả bóng vào những chiếc hộp sau sao cho tổng số bóng ở mỗi hàng bằng nhau được không?



- Sau khi hết thời gian HS từng nhóm bạn sẽ nhận xét.
- Giáo viên tổng kết và tuyên dương.

từng nhóm và các

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN CÙNG CỘ

ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000 (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS lập, viết được các số trong phạm vi 100 000; biết so sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự và thứ tự các số trên tia số; biết làm tròn các số đến hàng chục nghìn.

- HS thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia (tính nhẩm và tính viết) trong phạm vi 100 000 (không nhớ và có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp); vận dụng giải bài toán thực tế, có lời văn.

- HS nhớ và nhận biết được các kí hiệu các số La Mã.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Hình minh họa bài.

- Học sinh: Bảng nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- Khởi động qua trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”.

- Hai bạn mỗi bạn viết một số bất kì ví dụ: 14 562 và 10 234 say đó tính tổng và hiệu của hai số đó.

- GV ghi đầu bài.

2. Hoạt động Thực hành, luyện tập (20 – 25')

* Bài 1. Điền số thích hợp vào tia số.

- HS làm bài vào vở

a) HS xác định quy luật dãy số và đọc dãy số.

b) HS nhắc lại quy tắc làm tròn và đọc đáp án dưới dạng: "Làm tròn số 26 358 đến hàng chục ta được số....."

c) HS so sánh và thực hiện đọc các số theo thứ tự từ bé đến lớn.

- GV nhận xét.

- GV chữa bài và lưu ý hệ thống cho HS cách so sánh số:

+ Số có ít chữ số hơn thì bé hơn.

+ Hai số có số chữ số bằng nhau: So sánh các cặp chữ số cùng hàng theo thứ tự từ trái sang phải.

Cặp chữ số đầu tiên khác nhau

+ Trên tia số: Số bên trái bé hơn số bên phải.

Bài 2. Đặt tính rồi tính:

a. $27\,369 + 34\,425$

c. $90\,714 - 61\,533$

b. $15\,273 \times 3$

d. $36\,472 : 4$

- HS làm bài bảng con.

- Nhận xét chữa bài.

***GV kết luận: Củng cố cách thực hiện phép tính trong phạm vi 100 000.**

Bài 3. Số điểm cao nhất trong trò chơi tung bóng vào lưới là 25 928 điểm. Kiên còn thiếu 2 718 điểm nữa là bằng số điểm đó. Hỏi Kiên đang có bao nhiêu điểm?

- Gọi HS đọc bài toán.

+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?

+ Muốn biết Kiên có bao nhiêu điểm ta làm thế nào?

- HS làm vở, 1 HS làm phiếu to.

- Nhận xét, chữa bài.

Bài giải :

Số điểm Kiên đang có là :

$$25\,928 - 2\,718 = 23\,210 \text{ (điểm)}$$

Đáp số: 23 210 điểm

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Trò chơi : Bánh mì trí nhớ.

Câu 1. Số liền trước của số 4 870 là số nào?

Câu 2. $6\,934 = 6\,000 + 900 + \dots + 4$

Câu 3. Viết số: 9 nghìn, 8 trăm, 9 chục và 9 đơn vị

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN CÙNG CỘ

ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000 (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS lập, viết được các số trong phạm vi 100 000; biết so sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự và thứ tự các số trên tia số; biết làm tròn các số đến hàng chục nghìn.
- HS thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia (tính nhẩm và tính viết) trong phạm vi 100 000 (không nhớ và có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp); vận dụng giải bài toán thực tế, có lời văn.
- HS nhớ và nhận biết được các kí hiệu các số La Mã.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: File bài giảng.
- Học sinh: Bảng nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS làm bảng con

$$\begin{array}{r} + \quad 27\,369 \\ \quad 34\,524 \\ \hline \end{array} \quad \times \quad \begin{array}{r} 15\,273 \\ \quad \quad \quad \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \end{array}$$

- GVNX, ghi đầu bài.

2. Hoạt động Thực hành, luyện tập (20 – 25')

Bài 1. Chọn hai biểu thức có cùng giá trị :

$(450 + 38) + 105$

$989 + 0$

$405 + 165$

$231 + (153 + 924)$

$0 + 989$

$450 + (38 + 105)$

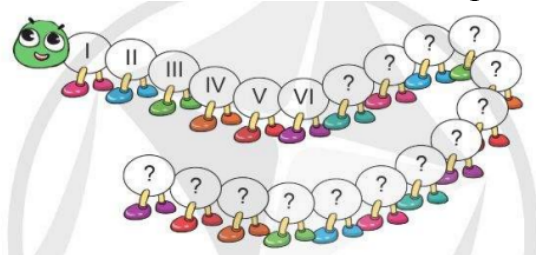
$(231 + 153) + 924$

$165 + 405$

- HS làm bài cá nhân.
- HS làm bài vào vở.
- GV nhận xét, tuyên dương học sinh.

***GV kết luận : Củng cố cách tính giá trị biểu thức.**

Bài 2. Tìm các số La Mã thích hợp điền vào chỗ trống :



- HS làm bài cá nhân.
- HS đối chéo vở kiểm tra.
- Gọi HS đọc các số La Mã vừa tìm được.

- GV nhận xét chữa bài.

GV kết luận : *Củng cố về số La Mã trong phạm vi 20.

Bài 3. Hiền, Hải, Đức mua bánh ở một tiệm bánh ngọt như sau :

- Hiền mua 4 hộp bánh mỗi hộp 3 chiếc vị cam hết 36 000 đồng.
- Hải mua 5 hộp bánh, mỗi hộp 2 chiếc bánh vị dâu 50 000 đồng.
- Đức mua 3 hộp bánh, mỗi hộp có 4 chiếc bánh vị sô – cô – la hết 48 000 đồng.

Theo em, trong các loại bánh trên, chiếc bánh loại nào giá cao nhất, chiếc bánh loại nào bán giá thấp nhất ?

+ Bài toán cho biết gì ? Bài toán hỏi gì ?

+ Muốn biết chiếc bánh loại nào giá bán cao nhất, loại nào giá bán thấp nhất ta làm thế nào?

- HS làm vở, 1 HS làm phiếu to.

- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải :

Giá tiền của 1 hộp bánh vị cam là :

$$36\ 000 : 4 = 9\ 000 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền của một chiếc bánh vị cam là :

$$9\ 000 : 3 = 3\ 000 \text{ (đồng)}$$

+ Giá tiền của 1 hộp bánh vị dâu là :

$$50\ 000 : 5 = 10\ 000 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền của một chiếc bánh vị dâu là :

$$10\ 000 : 2 = 5\ 000 \text{ (đồng)}$$

+ Giá tiền của 1 hộp bánh vị sô-cô-la là :

$$48\ 000 : 3 = 16\ 000 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền của một chiếc bánh vị sô-cô-la là :

$$16\ 000 : 4 = 4\ 000 \text{ (đồng)}$$

Vậy chiếc bánh vị dâu có giá bán cao nhất là 10 000 đồng, chiếc bánh vị sô-cô-la có giá bán thấp nhất là 4 000 đồng.

GV kết luận : *Củng cố cách giải bài toán có liên quan đến chia các số tròn chục nghìn trong thực tế.

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

Trò chơi: “Nào mình cũng lên xe buýt”.

1. So sánh: 9 899 ...?.. 10 000
2. Làm tròn số 11 927 đến hàng nghìn?
3. $75\ 580 = 70\ 000 + \dots?.. + 500 + 80$

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

BÀI 1: LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật, nguồn tư liệu...
- Sử dụng được một số phương tiện vào học tập môn Lịch sử và Địa lí

- Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.
- HS Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.
- HS Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của môn Lịch sử và địa lí.
- HS Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.
- HS Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong sử dụng, thực hành các hoạt động về Lịch sử, Địa lí.
- HS Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.
- HS yêu thích môn Lịch sử và địa lí và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn học và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Bản đồ cho hoạt động luyện tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV giới thiệu hình ảnh trong sách giáo khoa để khởi động bài học.

- + Hai bạn trong hình đàn tra o đổi về nội dung gì?
- + Kể tên một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí mà em biết.

- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.

- HS chia sẻ đáp án của mình.

- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (13- 15')

2.1. Tìm hiểu về bản đồ, lược đồ? (làm việc chung cả lớp)

* Tìm hiểu về bản đồ:

- GV giới thiệu bản đồ và giải thích ý nghĩa, tác dụng của bản đồ: *Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt trái đất theo một tỷ lệ nhất định.*

- HS quan sát bản đồ và lắng nghe GV giải thích ý nghĩa, tác dụng của bản đồ.

- HS làm việc chung cả lớp, quan sát bản đồ và trả lời câu hỏi:

- GV nêu câu hỏi: Em hãy quan sát hình 1 và cho biết:

- + Đọc tên bản đồ và cho biết bảng chú giải thể hiện những đối tượng nào?

- => Bảng chú thể hiện độ cao của các địa danh theo màu, sông hồ, thủ đô, biên giới và các chữ viết tắt.

- + Chỉ một nơi có độ cao trên 1500 m trên bản đồ.

- => Dãy núi Hoàng Liên Sơn,...

- GV mời một số HS lên chỉ bản đồ và trả lời các câu hỏi trên.

- Một số HS lên thực hiện, cả lớp nhận xét bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

* Tìm hiểu về lược đồ

- GV giới thiệu lược đồ và giải thích ý nghĩa, tác dụng của lược đồ: *Lược đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực tỉ lệ nhất định, có nội dung có nội dung giản lược hơn bản đồ.*

- HS quan sát lược đồ và nghe GV giải thích ý nghĩa, tác dụng của lược đồ.

- GV mời HS sinh hoạt theo nhóm 2, thảo luận và thực hiện 2 nhiệm vụ:

- + Đọc tên lược đồ và cho biết bảng chú giải thể hiện những đối tượng nào?



Trả lời: Tên lược đồ: Lược đồ khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40. Bảng chú giải thể hiện vị trí Hai Bà Trưng phát động khởi nghĩa và các vị trí tấn công cuộc khởi nghĩa.

- GV yêu cầu HS chỉ hướng tiến quân của quân Hai bà Trưng trên lược đồ.

- Đại diện các nhóm lên chỉ vị trí hướng tấn công của quân Hai bà Trưng.

- GV nhận xét tuyên dương.

- Gv mời 1 HS trình bày các bước sử dụng bản đồ, lược đồ.

- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.

2.2. Tìm hiểu về bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian? (làm việc chung cả lớp)

*** Tìm hiểu về bảng số liệu, biểu đồ:**

- GV giới thiệu bảng số liệu và giải thích ý nghĩa,

tác dụng của nó: *Bảng số liệu là tập hợp các số liệu về các đối tượng được sắp xếp một cách khoa học.*

- HS quan sát bản đồ và lắng nghe GV giải thích ý nghĩa, tác dụng và cách đọc bảng số liệu.

- Cách đọc bảng số liệu như sau:

+ Bước 1: Đọc tên bảng số liệu.

+ Bước 2: Đọc nội dung các cột, hàng của bảng số liệu để biết sự sắp xếp thông tin của các đối tượng.

+ Bước 3: Tìm các số liệu trong bảng theo yêu cầu bài học.

- GV nêu câu hỏi: Em hãy quan sát bảng số liệu và cho biết:

+ Tỉnh hoặc thành phố nào có diện tích lớn nhất?

- HS làm việc chung cả lớp, quan sát bảng số liệu và trả lời câu hỏi: Tỉnh Lâm Đồng có diện tích lớn nhất (9.783 km²).

- GV mời một số HS đọc bảng số liệu và trả lời câu hỏi trên. - Một số HS nêu số liệu trên bảng số liệu, cả lớp nhận xét bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

*** Tìm hiểu về bảng trục thời gian:**

- GV giới thiệu trục thời gian và giải thích ý nghĩa, tác dụng của nó: *Trục thời gian là một đường thẳng thể hiện chuỗi các sự kiện lịch sử theo trình tự thời gian.*

- HS quan sát trục thời gian và lắng nghe GV giải thích ý nghĩa, tác dụng và cách đọc trục thời gian.

- Các bước đọc trục thời gian:

+ Bước 1: Đọc tên trục thời gian để biết các đối tượng thể hiện.

+ Bước 2: Đọc nội dung các sự kiện trên trục thời gian để biết sự sắp xếp thông tin về sự kiện được nói trên.

+ Bước 3: Tìm các mốc thời gian gắn liền sự kiện lịch sử được thể hiện trên trục thời gian theo yêu cầu bài học.

Bước 1

Đọc tên bản đồ, lược đồ để biết phương tiện thể hiện nội dung gì.

Bước 2

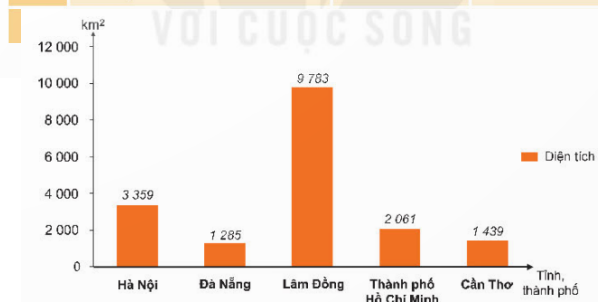
Xem chú giải để biết kí hiệu của các đối tượng lịch sử hoặc địa lí.

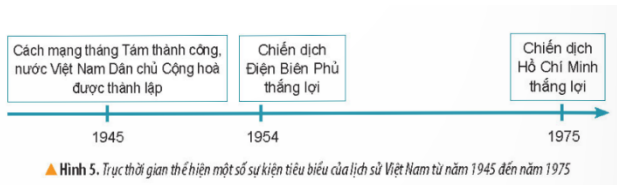
Bước 3

Tìm đối tượng lịch sử hoặc địa lí dựa vào kí hiệu.

BẢNG DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA MỘT SỐ TỈNH, THÀNH PHỐ NƯỚC TA NĂM 2020

STT	Tỉnh, thành phố	Diện tích (km ²)	Số dân (nghìn người)
1	Hà Nội	3 359	8 247
2	Đà Nẵng	1 285	1 170
3	Lâm Đồng	9 783	1 310
4	Thành phố Hồ Chí Minh	2 061	9 228





- GV nêu câu hỏi: Em hãy quan sát hình 5 và hãy giới thiệu các mốc thời gian gắn liền với sự kiện lịch sử tương ứng của Việt nam từ năm 1945 đến 1975.

- HS làm việc chung cả lớp, quan sát trục thời gian và giới thiệu các mốc thời gian gắn liền với sự kiện lịch sử tương ứng của Việt nam từ năm 1945 đến 1975:

- + Cách mạng tháng 8 thành công vào năm 1945.
- + Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi vào năm 1954.
- + Chiến dịch Hồ Chí Minh Thắng lợi vào năm 1975.

- GV mời một số HS đọc trục thời gian và trả lời câu hỏi trên.

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

- GV mời một số học sinh nêu các bước sử dụng số liệu, biểu đồ, trục thời gian.

- Một số HS trình bày, cả lớp nhận xét bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

Các bước sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian:

- Bước 1** Đọc tên bảng, số liệu, biểu đồ, trục thời gian để biết phương tiện thể hiện nội dung gì.
- Bước 2** Đọc nội dung các cột, hàng của bảng số liệu; chú giải của biểu đồ hoặc các sự kiện trên trục thời gian để biết sự sắp xếp thông tin của các đối tượng.
- Bước 3** Tìm các số liệu trong bảng hoặc mô tả nội dung cụ thể của biểu đồ, trục thời gian theo yêu cầu của bài học.

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (8- 10')

- Thực hành tìm và chỉ ra một số vị trí địa phương em trên bản đồ. (Sinh hoạt nhóm 4)

- GV sử dụng bản đồ hành chính của tỉnh giao mỗi nhóm 1 bản đồ để học sinh tập quan sát bản đồ và tìm địa danh nơi em ở và tìm một số huyện lân cận trong tỉnh.

- Các nhóm nhận bản đồ và cùng nhau quan sát, tìm địa danh nơi mình đang ở và một số huyện lân cận.

- GV mời các nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác cùng quan sát và đánh giá kết quả.

- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV đưa quả địa cầu, mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”

+ Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia theo lần lượt. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ tìm trên quả địa cầu vị trí của 2 nước do GV nêu tên. Tổ nào tìm đúng và nhanh nhất là thắng cuộc.

+ GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.

+ Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

BÀI 1: LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật, nguồn tư liệu...

- Sử dụng được một số phương tiện vào học tập môn Lịch sử và Địa lí
- Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.
- HS Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.
- HS Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của môn Lịch sử và địa lí.
- HS Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.
- HS Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong sử dụng, thực hành các hoạt động về Lịch sử, Địa lí.
- HS Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.
- HS yêu thích môn Lịch sử và địa lí và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn học và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; quả địa cầu cho hoạt động 1 và 4.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng” để khởi động bài học.
- Cách chơi: GV đưa quả địa cầu lên trước lớp. Đưa ra yêu cầu:
 - + Tìm và chỉ trên bản đồ: nước Việt Nam, cam-pu-chia, Là, Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lay-sia,...
 - + Mời HS xung phong lên chỉ trên bản đồ vị trí của các nước trên, mỗi HS chỉ 1 nước. Ai chỉ đúng sẽ được tuyên dương.
 - HS chơi trò chơi.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (8- 10')

Tìm hiểu về hiện vật, tranh ảnh? (Sinh hoạt nhóm 2)

- GV giới thiệu hiện vật, tranh ảnh và giải thích ý nghĩa, tác dụng của nó:

Hiện vật lịch sử là những di tích, đồ vật, ... tron quá khứ của con người còn được lưu trữ đến ngày nay.

- HS quan sát hiện vật, tranh, ảnh và lắng nghe GV giải thích ý nghĩa, tác dụng và cách đọc các thẻ loại trên.

Tranh, ảnh lịch sử, địa lí là những hình ảnh được vẽ hoặc chụp về các nhân vật, địa điểm, hiện vật, sự kiện lịch sử, đối tượng địa lí gắn với không gian cụ thể.

- GV mời HS thảo luận nhóm 2, cùng nhau quan sát hình 7, 8 và hoàn thành 2 nhiệm vụ sau:

- HS sinh hoạt nhóm 2: cùng nhau quan sát hình 7, 8 và hoàn thành 2 nhiệm vụ giáo viên đưa ra.

+ Mô tả mũi tên đồng cổ loa => Mô tả mũi tên đồng cổ loa: Mũi tên làm bằng đồng, có 3 cạnh, một đầu nhọn.

+ Mô tả bức tranh cánh đồng phong nậm. => Mô tả bức tranh cánh đồng phong nậm: Đây là cánh đồng khá rộng có dòng sông Nậm chảy qua. Bốn bên là đồi núi cheo leo trùng trùng, điệp điệp.



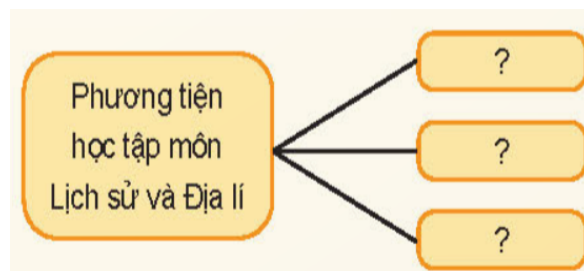
- | | |
|---------------|--|
| Bước 1 | Đọc tên hiện vật, tranh ảnh. |
| Bước 2 | Quan sát và mô tả những đối tượng lịch sử hoặc địa lí được giới thiệu thông qua hiện vật, tranh ảnh. |
| Bước 3 | Nhận xét về các đối tượng lịch sử hoặc địa lí theo yêu cầu bài học. |

- GV mời một số nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, góp ý.
- Một số nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương. Chốt nội dung:

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (13- 15')

Bài tập 1: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí (Sinh hoạt nhóm 2)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- Mời cả lớp sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.
- GV mời các nhóm chia sẻ bài kết quả lên bản lớp.
- GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.



- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.

Bài tập 2: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí (Sinh hoạt nhóm 4)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- Mời cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và tìm trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí ví dụ Ví dụ về các phương tiện học tập môn học: bản đồ, lược đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, trục thời gian,... (mỗi phương tiện lấy 2 ví dụ.)
- GV mời các nhóm chia sẻ kết quả lên bản lớp.
- GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.
- GV nhận xét tuyên dương

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV đưa quả địa cầu, mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”
- + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia theo lần lượt. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ tìm trên quả địa cầu vị trí của 2 nước do GV nêu tên. Tổ nào tìm đúng và nhanh nhất là thắng cuộc.
- + GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.
- + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài. Yêu cầu học sinh chuẩn bị bài 4: Thiên nhiên vùng trung du và miền núi Bắc bộ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC

TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC VÀ NƯỚC VỚI CUỘC SỐNG (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện ra một số tính chất của nước.
- Nêu được một số tính chất của nước (không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định, chảy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía, thấm qua một số vật và hòa tan một số chất).

- Nêu được và liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về ứng dụng một số tính chất của nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV hỏi:
 - + Nước có màu gì? (màu trắng, màu trong, màu vàng,...)
 - + Nước có mùi gì, vị gì? (không mùi, mùi thơm của nước cam, vị ngọt, không vị...)
 - + Nước có hình dạng gì? (hình cái cốc, hình cái bát, hình cái chai,...)
- HS suy ngẫm trả lời.
- GV giới thiệu - ghi bài

2. Hoạt động Khám phá (10 – 15')

- Tính chất của nước.

**Thí nghiệm 1:*

- GV gọi 3 HS lên bảng tiến hành thí nghiệm: rót nước vào cốc, bát, chai.
- HS tiến hành thí nghiệm.
- Yêu cầu HS quan sát, ngửi, nếm, cho biết màu sắc, mùi, vị và hình dạng của nước.
- HS quan sát, trả lời.

****GV kết luận: Tính chất của nước: nước không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định.***

**Thí nghiệm 2:*

- GV hướng dẫn HS lên bảng tiến hành thí nghiệm: đổ từ từ nước lên mặt tấm gỗ đặt nằm nghiêng trên khay.
- HS tiến hành thí nghiệm.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét hướng chảy của nước trên mặt tấm gỗ; Khi xuống tới khay nước tiếp tục chảy như thế nào?
- HS quan sát, trả lời.

****GV kết luận: Nước chảy từ cao xuống thấp và chảy lan ra mọi phía.***

**Thí nghiệm 3:*

- GV hướng dẫn HS lên bảng tiến hành thí nghiệm: đổ một thìa nước lên chồng khăn, chồng đĩa, chồng giấy ăn sau đó nhắc ra.
- HS tiến hành thí nghiệm.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét nước thấm qua vật nào? Vì sao em biết?
- HS quan sát, trả lời.

****GV kết luận: Nước thấm qua một số vật (giấy ăn, khăn mặt, quần áo,...)***

**Thí nghiệm 4:*

- GV hướng dẫn HS lên bảng tiến hành thí nghiệm: cho 1 thìa đường, cát, muối ăn lần lượt vào các cốc rồi khuấy đều.
- HS tiến hành thí nghiệm.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét hòa tan chất nào và không hòa tan chất nào?
- HS quan sát, trả lời.

****GV kết luận: Nước hòa tan đường, muối ăn, không hòa tan cát.***

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 - 15')

- Vận dụng tính chất của nước.
- Gọi 1-2 HS nhắc lại các tính chất của nước.

- Yêu cầu HS hoạt động theo cặp quan sát hình 5, cho biết con người đã vận dụng tính chất của nước vào những hoạt động nào.
- HS thảo luận theo cặp, hoàn thành phiếu học tập.

Tính chất của nước	Hình ảnh vận dụng tính chất của nước
Nước thấm qua một số vật	5a, 5d
Nước chảy từ cao xuống thấp	5b, 5e
Nước hòa tan một số chất	5c, 5d
Nước chảy lan ra khắp mọi phía	5e

- HS trình bày trước lớp.
- Gọi HS lấy thêm ví dụ trong thực tế. (dùng nước cọ sân, túi pha trà, áo mưa,...)

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Nước có những tính chất gì? Lấy ví dụ.
- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC

TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC VÀ NƯỚC VỚI CUỘC SỐNG (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được và liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: File bài giảng, phiếu học tập hình 6, hình 7

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- Trò chơi: “Kho báu đại dương”.
- + Nước có những tính chất gì?
- + Lấy ví dụ trong thực tiễn về các tính chất của nước.
- HS trả lời
- GV giới thiệu- ghi bài

2. Hoạt động Khám phá: Vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt (10 – 15')

- Yêu cầu HS hoạt động theo cặp, quan sát hình 6 cho biết vai trò của nước đối với đời sống con người, động vật, thực vật.
- HS thảo luận theo cặp, hoàn thành phiếu.

Hình	Vai trò
Hình 6a	Cung cấp nước uống cho con người
Hình 6b	Cung cấp nước uống cho động vật
Hình 6c	Là môi trường sống của động vật, thực vật

- GV gọi HS chia sẻ, nhắc lại vai trò của nước.
- Yêu cầu HS hoạt động theo cặp, quan sát hình 7 cho biết nước sử dụng vào những hoạt động nào và ý nghĩa của những hoạt động đó.
- HS thảo luận theo cặp, hoàn thành phiếu.

Hình	Nước được dùng để
7a	Tắm gội cho cơ thể sạch sẽ
7b	Nấu chín thức ăn để phục vụ nhu cầu ăn uống hàng ngày của con người
7c	Trồng lúa để cung cấp lương thực cho con người, phục vụ chăn nuôi
7d	Sản xuất điện phục vụ cho việc thắp sáng

- GV gọi HS trình bày.
- Con người, động vật và thực vật sẽ như thế nào nếu như thiếu nước hoặc không có nước? (*con người, động vật sẽ bị khát nước, cây trồng sẽ khô héo, khó phát triển*)
- Hãy kể các hoạt động khác trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt cần đến nước ở gia đình và địa phương em. (*nước uống, rửa rau, giặt quần áo, tưới tiêu, ...*)
- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động luyện tập, thực hành (10 - 15')

- Tổ chức HS hoạt động nhóm 6, hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy trên giấy A4 thể hiện tính chất của nước, vai trò của nước.
- HS hoạt động nhóm.
- GV cho HS trưng bày sản phẩm và đánh giá.

4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (1 - 3')

- Lấy ví dụ trong thực tiễn về các tính chất của nước.
- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (*Phụ lục nếu có*)

ĐẠO ĐỨC

CHỦ ĐỀ 1: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bài 1: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh.
- Biết vì sao phải biết ơn người lao động.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. Nhắc nhở bạn bè, người thân có hành vi, thái độ biết ơn những người lao động.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài dạy

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV tổ chức múa hát bài “Lớn lên em sẽ làm gì?” để khởi động bài học.
- ? Em hãy kể tên những nghề nghiệp được nhắc đến trong bài hát?
- HS chia sẻ những nghề nghiệp mà em nghe thấy trong bài hát.
- ? Lớn lên em sẽ làm gì?
- HS trả lời theo suy nghĩ và ước mơ của mình
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động khám phá: Tìm hiểu những đóng góp của người lao động (10-15')

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài
- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời HS làm việc chung cả lớp, cùng đọc thầm bài thơ “Tiếng chổi tre” và trả lời câu hỏi.

? *Việc làm của chị lao công giúp ích gì cho cuộc sống chúng ta?*

- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, kết luận: *Khi mọi người đã ngủ, chị lao công vẫn cần mẫn quét rác trên đường phố trong những đêm hè vắng lặng và những đêm đông giá rét. Việc làm của chị lao công góp phần giữ sạch, đẹp đường phố, để “Hoa Ngọc Hà/ Trên đường rực nở/ Hương bay xa/ Thơm ngát đường ta”. Bởi vậy, chúng ta cần biết ơn việc làm của chị lao công.*

- GV tiếp tục dùng kĩ thuật Tia chớp để HS trả lời nhanh câu hỏi:

? *Hãy kể thêm một số công việc của người lao động khác mà em biết?*

- *Bác sĩ, giáo viên, ca sĩ, diễn viên, nông dân, công nhân, ...*

? *Những công việc đó có đóng góp gì cho xã hội?*

- *Những công việc đó đóng góp cho xã hội: khám chữa bệnh, dạy kiến thức, tạo ra lương thực, ...*

- GV kẻ bảng, lần lượt điền vào bảng những câu trả lời đúng.

STT	Nghề nghiệp	Đóng góp
1	Nông dân (lái máy gặt)	Góp phần tạo ra lúa, gạo cho xã hội
2	Công nhân (may)	May quần áo cho mọi người
3	Giáo viên	Dạy kiến thức, đạo đức, kĩ năng,...cho HS.
4	Nhân viên bán hàng	Giúp mọi người mua bán, trao đổi hàng hoá.
5	Bác sĩ	Khám, chữa bệnh cho mọi người.
6	Nhà khoa học	Nghiên cứu khoa học để ứng dụng vào cuộc sống.

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Giải đố về nghề nghiệp”. GV chọn hai đội chơi, mỗi đội khoảng 3 – 5 HS. Lần lượt đội A nêu câu hỏi, đội B trả lời và ngược lại. Có thể sử dụng câu đố vui về nghề nghiệp hoặc mô tả hoạt động của một nghề nghiệp để đội bạn gọi tên nghề nghiệp đó.

- HS chia làm 2 đội, tham gia trò chơi.

1/ Nghề gì cần đến đục, cưa

Làm ra giường, tủ,... sớm, trưa ta cần?

2/ Nghề gì vận chuyển hành khách, hàng hoá từ nơi này đến nơi khác?

3/ Nghề gì chân lấm tay bùn

Cho ta hạt gạo, ấm no mỗi ngày?

4/ Nghề gì bạn với vữa, vôi

Xây nhà cao đẹp, bạn tôi đều cần?

5/ Nghề gì chăm sóc bệnh nhân

Cho ta khỏe mạnh, vui chơi học hành?

- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành: Bày tỏ ý kiến (10 - 12')

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc bài tập, suy nghĩ, và bày tỏ ý kiến.

- GV mời một số HS phát biểu, các HS khác nhận xét, bổ sung.

a. Đồng tình

b. Không đồng tình

c. Không đồng tình

d. Không đồng tình

e. Đồng tình.

- GV nhận xét, tuyên dương.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò “Phóng viên nhí”, chia sẻ một số việc bản thân đã làm để thể hiện lòng biết ơn đối với người lao động.
- GV chọn một HS xung phong làm phóng viên, lần lượt hỏi các bạn trong lớp:
- 1HS làm phóng viên và hỏi cả lớp.
- ? Bạn đã làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với người lao động?
- ? Có khi nào bạn chứng kiến những lời nói, việc làm chưa biết ơn người lao động?
- ? Bạn có suy nghĩ gì về điều đó?
- 2-3HS trả lời
- GV nhận xét
- GV nhận xét tiết học. Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

ĐẠO ĐỨC**CHỦ ĐỀ 1: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG****Bài 1: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG (TIẾT 2)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Học sinh nhận xét được các ý kiến có liên quan đến người lao động và đóng góp của những người lao động.
- Biết tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các tình huống trong SGK.
- Có khả năng ứng xử phù hợp với những đóng góp của người lao động.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc tham gia hoạt động kinh tế, xã hội phù hợp với bản thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

-File bài giảng, tranh ảnh minh họa

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 -5')**

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để khởi động bài học.
- + GV đưa ra 4 bức tranh và yêu cầu HS tham gia trò chơi bằng cách quan sát tranh và xác định công việc và đóng góp cho xã hội.
- + Tranh 1: Tranh chú thợ điện.
- + Tranh 2: Tranh người đánh cá trên biển.
- + Tranh 3: Tranh thợ sửa chữa xe máy.
- + Tranh 4: Tranh người bán hàng
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 25')*** Bày tỏ ý kiến. (Nhóm 2)**

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu.
- GV mời HS thảo luận nhóm 2, cùng nhau trao đổi và đưa ra ý kiến đồng tình hay không đồng tình với lời nói và việc làm trong tranh

Tranh 1 và 2: Em đồng tình với ý kiến của bạn vì đó là ý kiến thể hiện được tình yêu và sự trân trọng với những đóng góp của người lao động.

Tranh 3 và 4: Em không đồng tình với ý kiến của bạn vì đó là ý kiến thể hiện chưa nhận thấy được đóng góp của người lao động.

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét chung, tuyên dương

*** Xử lý tình huống (Nhóm 4)**

- GV mời 1 HS đọc tình huống.

- GV mời HS thảo luận nhóm 4, cùng nhau trao đổi và đưa ra cách xử lý các tình huống trong SGK.

- **Tình huống 1:** Một hôm, Nam và Quân chia sẻ với nhau về nghề nghiệp của bố mình. Quân rất tự hào vì bố của Quân là công nhân. Nam cũng rất hãnh diện vì bố mình là nhà báo. Quân thắc mắc: “Nhà báo có đóng góp gì cho xã hội vậy Nam?”.

? Nếu là Nam, em sẽ trả lời như thế nào?

+ Nếu là Nam, em sẽ trả lời: Nhà báo có nhiệm vụ tìm kiếm các thông tin, sau đó xác minh tính chính xác của thông tin, đánh giá để đảm bảo tính đúng của thông tin rồi đưa các tin nóng hổi hằng ngày, hằng giờ đến công chúng thông qua các loại hình báo giấy, truyền hình, phát thanh,...

- **Tình huống 2:** Hồng đọc được một bài viết về tấm gương người lao động trên báo Tuổi trẻ. Hồng cảm thấy rất ngưỡng mộ và yêu quý tấm gương này nên chia sẻ với Lan. Lan bảo: “Đây đâu phải là người thân của mình mà mình phải yêu quý, biết ơn. Họ có giúp được gì cho mình đâu?”

? Nếu là Hồng, Em sẽ ứng xử như thế nào?

+ Nếu là Hồng, Em sẽ ứng xử như sau: Người lao động làm ra của cải, vật chất và mang lại những giá trị tinh thần cống hiến cho xã hội. Tất cả sản phẩm trong xã hội có được là nhờ những người lao động. Cuộc sống xã hội tốt đẹp hơn là nhờ công lao của tất cả người lao động. Do đó không chỉ yêu quý những người thân trong gia đình mà còn phải biết yêu thương, quý trọng những người lao động quanh ta.

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét chung, tuyên dương

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 -5’)

- GV yêu cầu cả lớp làm việc theo cặp: hai bạn chia sẻ với nhau về một người lao động quanh em

- GV mời các cặp trình bày.

- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: CÔNG TRƯỜNG AN TOÀN (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS Thực hiện được những hoạt động góp phần giữ gìn an toàn giao thông ở công trường.

- Nắm được các hành vi gây mất an toàn giao thông ở công trường.

- Rèn tính cẩn thận, kỹ năng quan sát. Phát triển năng lực tham gia giao thông.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng; hình ảnh tư liệu công trường an toàn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- HS chuẩn bị trang phục ngay ngắn để chuẩn bị làm lễ chào cờ.

- Thực hiện nghi lễ chào cờ.
- GV nhận xét thi đua trong tuần.
- GV triển khai các công việc tuần mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')

- GV cho học sinh xem một video quay về việc ùn tắc tại một cổng trường giờ tan học
- GV cho học sinh nêu cảm nhận của mình khi trong trường hợp đó.
- HS chia sẻ cảm nhận của mình.

a. Tìm hiểu ý nghĩa của việc giữ gìn cổng trường an toàn giao thông

- GV cho học sinh quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:
 - Em hãy nêu những hành vi góp phần giữ gìn cổng trường an toàn giao thông?
- Trả lời: + *Phía trong cổng trường các bạn nhỏ đang đi ra cổng theo hàng*
+ *Phía ngoài cổng trường xe của phụ huynh được xếp gọn và đứng nơi quy định*
+ *Các bạn nhỏ sang đường cùng người lớn.*
- Vì sao phải giữ gìn cổng trường an toàn giao thông?
- Trả lời: + *Tránh tình trạng chen lấn, ùn tắc, kẹt xe trước cổng trường.*
+ *Để tạo cho học sinh một môi trường an toàn để học tập.*
+ *Giảm thiểu tình trạng tai nạn giao thông trong học đường.*
+ *Nâng cao ý thức tự giác, chấp hành tốt luật giao thông cho học sinh.*
+ *Đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe cho học sinh, phụ huynh và cán bộ công nhân viên trong nhà trường.*
+ *Góp phần xây dựng trật tự, an toàn giao thông tiến bộ, văn minh, phù hợp với xã hội đang phát triển hiện nay.*

- GV gọi đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung
- GV kết luận và chốt đáp án đúng.

b. Tìm hiểu một số hành vi gây mất an toàn giao thông ở cổng trường

- GV cho học sinh quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:
 - Em hãy chỉ ra những hành vi gây mất an toàn giao thông?
- Trả lời: + *Phía trong cổng trường học sinh không đi theo hàng*
+ *Bên ngoài cổng phụ huynh tập chung tại cổng trường, không để xe đứng nơi quy định*
- Những hành vi có thể gây mất an toàn giao thông thường xảy ra tại khu vực cổng trường là

- + *Tụ tập trước cổng trường*
 - + *Nô đùa, xô đẩy nhau khi ra khỏi trường*
 - + *Đi nhanh, lạng lách, đánh võng tại cổng trường*
 - + *Phụ huynh sử dụng chất kích thích tham gia lái xe*
 - + *Đi xe hàng 2,3*
 - + *Không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông*
 - Em hãy kể thêm những hành vi có thể gây mất an toàn giao thông thường xảy ra tại khu vực cổng trường?
- Trả lời: + *Em đi ra về theo hàng, không xô đẩy, chen lấn bạn*
+ *Không tụ tập trước cổng trường*
+ *Khi ra khỏi cổng em chú ý quan sát để sang đường*
+ *Tham gia các buổi vận động, tuyên truyền cho các bạn về tác dụng của việc giữ gìn cổng trường an toàn giao thông...*
- GV kết luận, tuyên dương học sinh và chốt đáp án đúng.

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV phát phiếu khảo sát để HS hoàn thành.

Nội dung	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
Thực hiện những hoạt động góp phần giữ gìn an toàn giao thông ở cổng trường			
Không thực hiện những hành vi gây mất an toàn giao thông ở cổng trường			

- GV hướng dẫn học sinh hoàn thành phiếu.

- GV nhận xét tiết học và nhắc kiến thức cần nhớ trong tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: *(Phụ lục nếu có)*

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM **CHUẨN BỊ KHAI GIẢNG CHÀO ĐÓN NĂM HỌC MỚI** **(Toàn trường)**

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM **SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: TUYÊN TRUYỀN PHONG TRÀO TRƯỜNG** **EM XANH, SẠCH, ĐẸP (Tiết 3)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch lao động trong nhà trường.
- Thực hiện được những việc làm cụ thể giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.
- Tích cực tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS vận động theo bài hát: Em yêu trường em.
- HS trả lời câu hỏi do GV đặt ra:
 - + Các con yêu trường mình không? Để trường mình luôn sạch đẹp, chúng ta cần làm gì?
- GV nhận xét thi đua trong tuần.
- GV triển khai các công việc tuần mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành: Sinh hoạt cuối tuần (23 – 25')

2.1. Đánh giá kết quả cuối tuần (Làm việc nhóm 2)

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.
 - + Kết quả sinh hoạt nền nếp.
 - + Kết quả học tập.
 - + Kết quả hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)

2.2. Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.
 - + Thực hiện nền nếp trong tuần.

- + Thi đua học tập tốt.
- + Thực hiện các hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.

2.3. Sinh hoạt theo chủ đề: Phát động phong trào: Tuyên truyền phong trào trường em xanh, sạch, đẹp.

- GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:
- + GV chia lớp thành các nhóm.
- + GV phổ biến yêu cầu hoạt động: Các nhóm thiết kế bức tranh tuyên truyền phong trào *Trường em xanh, sạch, đẹp* cụ thể như sau:
 - Chuẩn bị các đồ dùng cần thiết: giấy, bìa cứng, bút, bút màu, giấy màu,...
 - Trao đổi, thảo luận ý tưởng thiết kế tranh tuyên truyền.
 - Tiến hành thiết kế tranh tuyên truyền theo ý tưởng cả nhóm đã thống nhất.
- GV hướng dẫn làm việc cả lớp:
- + GV tổ chức các nhóm giới thiệu và chia sẻ thông điệp muốn truyền tải qua bức tranh.
- + GV mời một số HS bày tỏ cảm nhận về thông điệp mình thích nhất.
- + GV hướng dẫn HS đặt bức tranh ở những vị trí phù hợp để tuyên truyền.
- GV kết luận: *Chúng ta đã thực hiện xong việc thiết kế tranh tuyên truyền và đặt tranh ở vị trí phù hợp để lan tỏa những thông điệp giữ gìn trường em xanh, sạch, đẹp.*

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu học sinh hoàn thành nội dung bức tranh hay thông điệp.
- Giới thiệu với người thân bức tranh em đã thiết kế và thông điệp em muốn truyền tải.
- GV hướng dẫn học sinh hoàn thành phiếu.
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà chuẩn bị cho nội dung chủ đề sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

BGH kí duyệt

Tổ trưởng

Giáo viên

Lê Công Thắng

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Phương Linh

